

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 5 - 2022

V/v ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Minh Tr, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TN, xã TX, huyện TL, thành phố CT

- Bị đơn: Chị Bui Tuyen T1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Trương Minh Tr trình bày: Anh Tr và chị T1 chung sống với nhau vào năm 2004, đến ngày 23/5/2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Trong thời gian chung sống anh và chị T1 có 01 người con chung tên Trương Thị Yến Nh, sinh ngày 04/6/2006, hiện cháu đang sống cùng với chị T1. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007, thì phát sinh mâu thuẫn nên chị T1 bỏ về huyện Giồng Riềng sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay anh xét thấy giữa anh và chị T1 không còn tình cảm vợ

chồng, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Nên anh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bui Tuyet T1.

Về con chung anh xác định có 01 người con chung Trương Thị Yến Nh, sinh ngày 04/6/2006, hiện chị T1 đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay anh giao cháu Nh cho chị T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bui Tuyet T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng chị T1 không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị T1 với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Ngọc An, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đối với bị đơn, quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trương Minh Tr và chị Bui Tuyet T1 là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2006, tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 cũng như Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh Tr cho rằng giữa anh và chị T1 bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T1. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi việc ly hôn của anh Tr. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây

dựng, nhưng anh Tr, chị T1 đã ly thân không sống chung với nhau từ năm 2007 đến nay, nên xét thấy hôn nhân giữa anh Tr chị T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của ly hôn của anh Tr đối với chị T1.

[2.2]. Về con chung: Anh Tr xác định có 01 người con gồm Trương Thị Yên Nh, sinh ngày 04/6/2006. Anh Tr cho rằng từ năm 2009 anh đã giao cháu Nh cho chị T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay anh tiếp tục giao cháu Nh cho chị T1 nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con. Do chị T1 không có mặt nên không thỏa thuận được việc nuôi con, nghị nên ghi nhận ý kiến của anh Tr là tiếp tục giao cháu Trương Thị Yên Nh, sinh ngày 04/6/2006, cho chị T1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T1 vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Trương Minh Tr phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh Tr được ly hôn với chị Bui Tuyet T1.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận ý kiến của anh Tr giao cháu Trương Thị Yên Nh, sinh ngày 04/6/2006, cho chị T1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T1 vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu.

Anh Truong Minh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Truong Minh Tr phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005765 ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo:

Anh Truong Minh Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Bui Tuyen T1 vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- CCTHADS huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhân

